

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PGS
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Nghệ thuật ; Chuyên ngành: Âm nhạc

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN ĐỖ HIỆP

2. Ngày tháng năm sinh: 04/12/1963; Nam Nữ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Phú Thuy, Gia Lâm, Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 202A, C10, Nam Thành Công, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Số nhà 2, Ngách 2/8, Ngõ 2, Xóm Lẻ, Triều Khúc, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng; Điện thoại di động: 0988677992; Email: hiepspan@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 2002 đến 2006: Giảng viên âm nhạc Khoa Sư phạm âm nhạc và Mỹ thuật, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Từ 2006 đến 2012: Giảng viên, Trưởng bộ môn Thanh nhạc và Nhạc cụ, Khoa Sư phạm Âm nhạc và Mỹ thuật, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Từ 2012 đến 2016: Giảng viên chính, Trưởng bộ môn Thanh nhạc và Nhạc cụ, Khoa Nghệ Thuật, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Từ 2017 đến nay: Giảng viên chính, Trưởng bộ môn Lý luận âm nhạc, Khoa Nghệ thuật, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
Chức vụ hiện nay: Trưởng Bộ môn Lý luận Âm nhạc; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Khoa Âm nhạc, Trường Trung học Văn hoá nghệ thuật Hải Phòng.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Nghệ thuật, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Địa chỉ cơ quan: 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 024.37547823

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 12 tháng 4 năm 1990, ngành: Âm nhạc, chuyên ngành: Lý luận Âm nhạc.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Nhạc viện Hà Nội (Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam).

- Được cấp bằng ThS ngày 16 tháng 3 năm 2005, ngành: Văn hoá, chuyên ngành: Văn hoá học.

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Văn hoá Hà Nội.

- Được cấp bằng TS ngày 16 tháng 4 năm 2014 ngành: Văn hoá, chuyên ngành: Văn hoá dân gian.

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày thángnăm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS.tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS.tại HĐGS ngành, liên ngành: Văn hoá- Nghệ thuật-Thể dục thể thao.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Âm nhạc dân gian,
- Văn hoá dân gian,
- Giáo dục âm nhạc.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 05 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS
- Đã hoàn thành 04 đề tài NCKH, trong đó, làm chủ nhiệm 02 đề tài cấp Trường; thành viên tham gia 01 đề tài cấp Trường và 01 đề tài NCKH trọng điểm cấp Bộ.
- Đã công bố 16 bài báo KH, trong đó 03 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: 04 cuốn sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế...

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Khen thưởng:

- 01 Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo (9/11/2010), số 5073 QĐ/BGDĐT.
- 01 Giấy khen có thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng Khoa Nghệ thuật giai đoạn 2001-2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (17/11/2011), số 4707/TĐ-KT.

Danh hiệu thi đua

- 2014-2015: Lao động tiên tiến cấp cơ sở, QĐ 3710/QĐ-ĐHSP, Ngày 24/7/2015.
- 2015-2016: Lao động tiên tiến cấp cơ sở, QĐ 3978/QĐ-ĐHSP, Ngày 7/7/2016
- 2016-2017: Lao động tiên tiến cấp cơ sở, QĐ 5906/QĐ-ĐHSP, Ngày 21/8/2017
- 2017-2018: Lao động tiên tiến cấp cơ sở, QĐ 6199/QĐ-ĐHSP, Ngày 15/8/2018
- 2018-2019: Lao động tiên tiến cấp cơ sở, QĐ 8663/QĐ-ĐHSP, Ngày 09/8/2019

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

- Trong quá trình giảng dạy, tôi luôn luôn chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thi hành nhiệm vụ theo đúng quy định của

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN pháp luật. Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao trình độ lý luận chính trị để vận dụng vào hoạt động giảng dạy, giáo dục và đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Có ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nghiêm sự điều động, phân công của tổ chức. Có ý thức tập thể, phấn đấu vì lợi ích chung. Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, tích cực tham gia các hoạt động chính trị, xã hội.

- Trong công việc, tôi luôn thực hiện nghiêm túc các quy định và rèn luyện về đạo đức nhà giáo. Có tác phong và cách thức làm việc phù hợp với công việc của giảng viên đại học. Có ý thức tự rèn luyện tạo phong cách nhà giáo mẫu mực; là tấm gương mẫu mực về phong cách nhà giáo, ảnh hưởng tốt đến sinh viên, học viên và đồng nghiệp.

- Trong chuyên môn, tôi luôn nắm bắt và thành thạo nghiệp vụ. Thường xuyên cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; Chủ động nghiên cứu, cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn. Vận dụng sáng tạo, phù hợp các hình thức, phương pháp và lựa chọn nội dung học tập, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn của bản thân. Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp và chia sẻ kinh nghiệm về phát triển chuyên môn của bản thân nhằm đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục.

- Giảng dạy theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục. Tận tụy với công việc. Thực hiện đúng điều lệ, quy chế, nội quy của đơn vị, nhà trường, của ngành. Công bằng trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất, năng lực của người học, bảo vệ các quyền lợi, lợi ích chính đáng của người học. Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên(*):

- Tổng số 18 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014-2015				01	375		375/400/360
2	2015-2016				01	450		450/475/270
3	2016-2017			02	01	450		450/475/270
3 năm học cuối								
4	2017-2018			02	01	480		480/645/270

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

5	2018-2019			01	01	339,66		339,66/389,66/270
6	2019-2020				02	330		330/380/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước:năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): B2, khung tham chiếu châu Âu.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Hồng Hải		x	x		2016-2017	Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW	Cấp bằng ngày 18/10/2017 Số hiệu bằng: A176427
2	Đặng Anh Tuấn		x	x		2016-2017	Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW	Cấp bằng ngày 5/4/ 2018 Số hiệu bằng: A193452
3	Bùi Thị Thủy		x	x		2017-2018	Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW	Cấp bằng ngày 28/12/2018 Số hiệu bằng: A210931
4	Đào Tuấn Hải		x	x		2017-2018	Trường Đại học Sư phạm	Cấp bằng ngày 10/5/2019

							Nghệ thuật TW	Số hiệu bằng: A217424
5	Nguyễn Thuý Trang					2018-2019	Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW	Cấp bằng ngày 30/8/2019 Số hiệu bằng: NT000024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I. Trước bảo vệ luận án TS							
1	Hát Đúm Phục Lễ, Thuỷ Nguyên, Hải Phòng (một loại hình dân ca cổ của người Việt nhìn từ nhiều góc độ)	CK	Nxb Văn hoá thông tin, 2011 Số đăng kí XB: 1079-2010/CXB/26-141/VHTT. Số QĐXB: 2331QĐ-VHTT. ISBN:978-604-50-0041-0	02	Viết chung	Tr. 39-112	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
II. Sau bảo vệ luận án TS							
2	Dân ca người Việt vùng châu thổ sông Hồng (cấu trúc bài bản)	CK	Nxb Khoa học Xã hội, 2019 Số đăng kí XB: 4352-2019/CXBIPH/8-244/KHXH. Số QĐXB: 214/QĐ-NXB KHXH Ngày 28/11/2019. ISBN: 978-604-956-807-7	10	Viết chung	Tr.271-348	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
3	Hát Đúm của người	CK	Nxb Khoa học Xã hội, 2020 Số đăng kí XB:1449-2020/CXBIPH/5-	01	Viết riêng		Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

	Việt ở Bắc Bộ		98/KHXH. Số QĐXB:56/QĐ-NXB NKHXH Ngày 29/4/2020. ISBN: 978-604-956-995-1				
4	Dân ca đối đáp nam nữ của người Việt tiếp cận từ góc độ so sánh loại hình	CK	Nxb Văn hoá dân tộc, 2020 Số đăng kí XB: 1681-2020/CXBIPH/8-440/VHDT. Số QĐXB: 87-20/QĐ-XBVHDT Ngày 19/5/2020 ISBN: 978-064-70-2866-5	01	Viết riêng		Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS:

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Ch kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I. Trước bảo vệ luận án TS					
1	Tìm hiểu âm nhạc hát văn ở phủ Dày Nam Định (ĐT)	CN	SPHN-07-152	2007-2008	17/11/2008 Đạt
2	Tìm hiểu về sinh hoạt văn hoá Ca trù ở Lỗ Khê, Đông Anh, Hà Nội (ĐT)	Thành viên tham gia	SPHN-07-153	2007-2008	17/11/2008 Đạt
3	Cấu trúc bài bản dân ca châu thổ sông Hồng (ĐT)	Thành viên tham gia	Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch, Học viện Âm nhạc	2005-2009	19/5/2009 Xuất sắc

			Quốc gia Việt Nam		
II. Sau bảo vệ luận án TS					
4	Tương đồng, khác biệt trong dân ca đối đáp nam nữ của người Việt ở Bắc Bộ (ĐT)	CN	SPHN17-15	2017-2019	20/12/2019 Đạt

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
I. Trước khi bảo vệ luận án TS								
1	Lễ hội chọi trâu Đồ Sơn Hải Phòng thời hiện đại	01	Tác giả chính	Tạp chí Văn hoá dân gian ISSN:0866-7284			Số 2 (116) Tr.45-51	2008
2	Hát đúm Thủy Nguyên trong môi trường hiện đại	01	Tác giả chính	Tạp chí Văn hoá nghệ thuật ISSN:0866-8655			Số 306 Tr.32-35	2009
3	Khía cạnh văn hoá hát đúm của người Việt	01	Tác giả chính	Tạp chí Văn hoá nghệ thuật ISSN:0866-8655			Số 340 Tr.76-80	2012
II. Sau khi bảo vệ luận án TS								
4	Biến đổi ý nghĩa và chức	01	Tác giả	Tạp chí Văn hoá dân gian			Số 3 (159)	2015

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

	năng của hát đúm trong xã hội đương đại		chính	ISSN:0866-7284			Tr.33-36	
5	Năng lực đệm hát trên đàn phím điện tử của giáo viên âm nhạc phổ thông	01	Tác giả chính	Kỷ yếu hội thảo khoa học Khoa Nghệ thuật, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội			Số 12 Tr.57-61	2016
6	Một số giải pháp cải thiện chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học của sinh viên Sư phạm âm nhạc	01	Tác giả chính	Kỷ yếu hội thảo khoa học, Khoa Nghệ thuật, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội			Số 13 Tr. 62-65	2016
7	Nghề hát văn hầu đồng trong đời sống xã hội hiện đại	01	Tác giả chính	Tạp chí Văn hoá dân gian ISSN:0866-7284			Sô 1 (169) Tr.36-39	2017
8	Tương đồng khác biệt trong thủ pháp phổ thơ của hát đúm và Quan họ Bắc Ninh	02	Đồng tác giả	Tạp chí Giáo dục Âm nhạc(Học viện Âm nhạc quốc gia Việt Nam) ISSN: 2354-1326			Số 4 (116) Tr.52-62	2019
9	Tương đồng khác biệt trong diễn xướng hát đúm và Quan họ Bắc Ninh	01	Tác giả chính	Tạp chí Văn hoá nghệ thuật ISSN:0866-8655			Sô 431 Tr.85-87	2020
10	Những giá trị tiêu biểu của dân ca đối đáp nam nữ người Việt	01	Tác giả chính	Tạp chí Văn hoá nghệ thuật ISSN:0866-8655				2020

11	Phương thức phát triển giai điệu trong dân ca đối đáp nam nữ của người Việt	01	Tác giả chính	Tạp chí Giáo dục nghệ thuật trường đại học SPNTTW ISSN:				2020
12	越-芒男女民歌对唱中的反规律唱歌 Hát trái dấu trong dân ca đối đáp nam nữ Việt - Mường	01	Tác giả chính	Tạp chí Thường thức nghệ thuật 艺术品鉴 (Trung Quốc) ISSN:2095-2406	艺术品鉴 ISSN: 2095 - 2406			2020
13	Phong cách giai điệu của những bài hát già bạn trong dân ca Quan họ Bắc Ninh	01	Tác giả chính	Tạp chí Thế giới di sản ISSN:1859-2600				2020
14	越南人群唱中音乐与诗词的关系 Ứng tác, ứng đối trong hát ví, đúm của người Việt	01	Tác giả chính	Tạp chí Thường thức nghệ thuật 艺术品鉴 (Trung Quốc) ISSN:2095-2406	艺术品鉴 ISSN: 2095 - 2406			2020
15	Vai trò của từ đệm trong dân ca đối đáp nam nữ người Việt	01	Tác giả chính	Tạp chí Văn hoá nghệ thuật ISSN:0866-8655				2020
16	越南歌舞的群唱、群唱中的应对和即兴创作	01	Tác giả chính	Tạp chí Thường thức nghệ thuật 艺术品鉴 (Trung Quốc) ISSN:2095-2406	艺术品鉴 ISSN: 2095 - 2406			2020

Quan hệ lời thơ với âm nhạc trong hát đúm của người Việt							
--	--	--	--	--	--	--	--

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 03 bài.

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1	Giải Ba A, sách: <i>Hát Đúm Phục Lễ, Thủy Nguyên, Hải Phòng</i>	Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam	Số 52/VNDG-2006, ngày 23/12/2006	02

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS...

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Thành viên Hội đồng xây dựng khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ Đại học ngành Sư phạm nghệ thuật (Âm nhạc); Số 3782/QĐ-BGDĐT ngày 24/9/2018.

- Tham gia Ban xây dựng chương trình đào tạo Đại học và Sau đại học của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.(QĐ số 4130/QĐ-ĐHSPHN-ĐT, ngày 25 tháng 6 năm 2018).

- Thành viên Hội đồng thẩm định, đánh giá, nghiệm thu Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Nghệ thuật bậc THCS, trình độ đại học theo chương trình ETEP của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, năm 2020.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

.....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác
giả chính theo quy định:

() Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.*

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước
pháp luật.

Hà Nội, ngày tháng 6, năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Đỗ Hiệp